

Độ, tỉnh: Tỉnh Điện Biên

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Thanh Trường

Mã đơn vị: 1029787

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán(Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất khuôn viên trường học_B.Mở tại Trường mầm non Thanh Trường	845	1.497.381		845																
2	Đất khuôn viên trường học_C4 tại Trường mầm non Thanh Trường	513	1.184.568		513																
3	Nhà bếp C4 tại Phố 4	16	18.784		15				Bỏ trống: 1												
4	Nhà lớp học điểm bán mới tại Bán Mới	164	206.440		163				Bỏ trống: 1												
5	Nhà lớp học điểm C4 tại Phố 4	242	500.000		241				Bỏ trống: 1												
6	Khối hành chính điểm trường phố 4									2021	215	1.257.668	922.122		215						
7	Khối nhà lớp học, hiệu bộ, bếp_Điểm tái định cư số 1									2022	2.373	13.811.583	12.154.193		2.373						
8	Khối phòng học điểm trường phố 4									2021	752	5.820.541	4.889.254		752						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà												Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán(Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
9	Nhà bảo vệ điểm trường phố 3									2022	16	88.795	71.027		16							
10	Nhà bảo vệ điểm trường phố 4									2021	47	145.899	106.973		47							
11	Nhà bảo vệ Điểm tái định cư số 1									2022	19	125.890	100.699		19							
12	Nhà bếp điểm trường phố 3									2022	89	431.858	345.443		89							
13	Nhà bếp điểm trường phố 4									2021	99	556.396	407.950		99							
14	Nhà hiệu bộ, chức năng và lớp học điểm trường phố 3									2022	1.593	9.974.506	8.777.565		1.593							
	Tổng cộng:	1.780	3.407.173		1.777				3		5.203	32.213.135	27.775.227		5.203							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Thạm Thị Văn Anh

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Kiều Thanh Huyền

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	Nhà liên hoàn 2 khối cầu trượt đa năng; Liên hoàn 2 khối cá vàng 2022	Trường MN Thanh Trường	1	31.000		31.000	23.250							
15	Nhà liên hoàn ngoài trời 3 khối cầu trượt đa năng; Nhà 3 khối cá vàng cầu trượt xoắn 2022	Trường MN Thanh Trường	1	52.000		52.000	39.000							
16	Nhà mâm quay 6 con giống	Trường MN Thanh Trường	1	41.800		41.800	26.125							
17	Nồi cháo 80l 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	13.200		13.200	9.900							
18	Nồi cơm điện	Trường MN Thanh Trường	1	7.673		7.673	1.343							
19	Nồi nấu cháo công nghiệp	Trường MN Thanh Trường	1	29.548		29.548	14.774				x			
20	Nồi nấu cháo công nghiệp	Trường MN Thanh Trường	1	29.548		29.548	18.468				x			
21	Máy tính để bàn loại 2_2022	Điểm trường trung tâm	1	14.650	14.650		8.790		x					
22	Máy tính để bàn GV	Trường MN Thanh Trường	1	16.501		16.501								
23	Máy tính để bàn giáo viên	Trường MN Thanh Trường	1	17.212		17.212								
24	Máy tính để bàn FPT 22.2	Trường MN Thanh Trường	1	14.850		14.850	5.940							
25	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
26	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
27	Máy chiếu đa năng	Trường mầm non Thanh Trường	1	30.790		30.790	24.632		x					
28	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
29	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
30	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		20.994		x					
31	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		20.994		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
32	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		20.994		x					
33	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		20.994		x					
34	Ôn áp	Trường MN Thanh Trường	1	18.370		18.370								
35	Máy chiếu đa năng_2022	Điểm trường trung tâm	1	34.990	34.990		20.994		x					
36	Máy in	Trường MN Thanh Trường	1	8.457		8.457								
37	Máy lọc nước công nghiệp 50l	Trường mầm non Thanh Trường	1	35.000	35.000		28.000		x					
38	Máy pho to 5620D	Trường MN Thanh Trường	1	57.195		57.195								
39	Máy Photocopy	Trường MN Thanh Trường	1	41.800		41.800	23.513							
40	Máy quét 2 mặt	Trường MN Thanh Trường	1	20.344		20.344					x			
41	Máy sấy bát.2024	Điểm trường trung tâm	1	34.305	34.305		30.017		x					
42	Máy Scanl Epson	Điểm trường trung tâm	1	20.000		20.000	16.000							x
43	Máy Scanl Epson	Điểm trường trung tâm	1	20.000		20.000	16.000							x
44	Máy tính để bàn FPT 22.1	Trường MN Thanh Trường	1	14.850		14.850	5.940							
45	Máy chiếu phòng hội trường_2022	Điểm trường trung tâm	1	67.500	67.500		40.500		x					
46	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
47	Phần mềm Mi sa	Trường MN Thanh Trường	1	10.500		10.500	2.100							
48	Phần mềm phổ cập	Trường MN Thanh Trường	1	4.900		4.900	1.960							
49	Tủ 24 ngăn 2017	Trường MN Thanh Trường	1	13.011		13.011	1.626							
50	Tủ cơm 2 cánh	Trường MN Thanh Trường	1	55.062		55.062								
51	Tủ cơm ga loại nấu 24kg. 2022	Trường MN Thanh Trường	1	22.000		22.000	13.750							

STT	Danh mục tài sản và quyền lợi tài sản khác của đơn vị, địa phương	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguồn gốc		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng cơ bản, chuẩn	Phục vụ công tác chuyên	Phục vụ hoạt động đặc thù	Khác	Chưa phân loại	Đang phân loại	Đang phân loại	Khác
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
52	Tư liệu hiện có máy xem phim kỹ thuật số 2022	Tư liệu MN địa phương	1	10,600		10,600	7,960							
53	Tư liệu hiện có ảnh	Tư liệu MN địa phương	1	9,027		9,027	2,257							
54	Tư liệu hiện có ảnh	Tư liệu MN địa phương	1	9,027		9,027	2,257							
55	Tư liệu hiện có ảnh	Tư liệu MN địa phương	1	5,681		5,681								
56	Tư liệu đồ dùng học sinh	Tư liệu MN địa phương	2	27,150		27,150								
57	Tư liệu	Tư liệu MN địa phương	1	9,888		9,888	1,977							X
58	Tư liệu	Tư liệu MN địa phương	1	5,000		5,000								
59	Tư liệu cơm inox công nghiệp	Tư liệu MN địa phương	1	25,500		25,500	19,125							
60	Tư liệu bát sứ trắng 2022 (tư liệu)	Tư liệu MN địa phương	1	11,400		11,400	8,550							
61	Tư liệu hiện có ảnh	Tư liệu MN địa phương	1	13,132		13,132								
62	Tư liệu inox	Tư liệu MN địa phương	1	5,000		5,000								
63	Tư liệu hiện có ảnh 3 kênh	Tư liệu MN địa phương	1	12,000		12,000	9,000							
64	Tư liệu bát sứ	Tư liệu MN địa phương	1	13,860		13,860	5,198							
65	Vách ngăn kéo gỗ 82.9x41.5m	Tư liệu MN địa phương	1	20,460		20,460	12,788							
66	Ván gỗ, công, hàng rào gỗ vào phố	Tư liệu MN địa phương	1	1,803,105	1,803,105		1,081,863	X						
67	Xích đu trẻ	Tư liệu MN địa phương	1	26,727		26,727								
68	Tư liệu SS ảnh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.8	Tư liệu MN địa phương	1	20,900		20,900	12,540							
69	Tư liệu SS ảnh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.5	Tư liệu MN địa phương	1	20,900		20,900	8,360							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
70	Tivi Smart 55 inh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.4	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900	8.360							
71	Tivi Smart 55 inh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.3	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900	8.360							
72	Phần mềm QLCB 2017	Trường MN Thanh Trường	1	12.000		12.000	2.400							
73	Sân đường nội bộ điểm trường phố 4	Điểm trường phố 4	1	896.112	896.112		537.667		x					
74	Sân khấu điểm trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	141.373	141.373		98.961		x					
75	Sân khấu ngoài trời điểm phố 4	Điểm trường phố 4	1	51.875	51.875		31.125		x					
76	Tài sản giáo án điện soạn giáo án điện tử Avina	Trường mầm non Thanh Trường	1	20.000	20.000		12.000		x					
77	Tăng âm Loa hội trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	10.000		10.000	6.000		x					
78	Tăng âm Loa hội trường trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	16.500		16.500	9.900		x					
79	Tăng âm loa sân khấu ngoài trời Trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	19.250		19.250	11.550							x
80	Thang leo	Trường MN Thanh Trường	1	16.791		16.791								
81	Phần mềm Mi sa Tài sản	Trường MN Thanh Trường	1	8.900		8.900	3.560							
82	Thang leo thể dục đa năng D2xR1.2xC1.7m	Trường MN Thanh Trường	1	10.175		10.175	6.359							
83	Ti vi LG 32 in	Trường MN Thanh Trường	1	14.080		14.080								
84	Ti vi LG 43 in	Trường MN Thanh Trường	1	25.190		25.190								x
85	Ti vi Sharp	Trường MN Thanh Trường	9	12.158		12.158								
86	Ti vi Sharp	Trường MN Thanh Trường	9	12.158		12.158								
87	Ti vi Sharp	Trường MN Thanh Trường	9	12.158		12.158								
88	Ti vi Sharp	Trường MN Thanh Trường	9	12.158		12.158								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Dựn khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
89	Tivi 23	Điểm trường phổ 6	1	16.400		16.400	13.120							x
90	Tivi Smart 55 inh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.1	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900	8.360							
91	Tivi Smart 55 inh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.2	Trường MN Thanh Trường	1	20.900		20.900	8.360							
92	Ti vi	Trường MN Thanh Trường	1	25.301		25.301								
93	Xích đu treo	Trường MN Thanh Trường	1	26.727		26.727								
94	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	51.645		51.645	20.658				x			
95	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
96	Camera phòng họp_2022	Điểm trường trung tâm	1	48.900	48.900		32.091		x					
97	Cầu trượt liên hoàn 4 khối đa năng D12.5xR7.5xC3.3m	Trường MN Thanh Trường	1	218.460		218.460	140.439							
98	Cầu trượt liên hoàn nhà nấm D5.8xR2.5xC2.5m	Trường MN Thanh Trường	1	50.820		50.820	31.763							
99	Cầu vận động thể chất D9.5xR1.1xC1.7m	Trường MN Thanh Trường	1	65.560		65.560	40.975							
100	Con rối bằng vải nhung	Trường MN Thanh Trường	5	35.316		35.316								
101	Con rối bằng vải nhung02	Trường MN Thanh Trường	8	56.505		56.505								
102	Đàn năng lượng mặt trời	Trường MN Thanh Trường	1	29.548		29.548	18.468				x			
103	Đàn ọc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
104	Đàn ọc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
105	Đàn ọc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
106	Đàn ọc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
107	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
108	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
109	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
110	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
111	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
112	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	8.710		8.710								
113	Đàn óc gan học sinh	Trường MN Thanh Trường	1	27.902		27.902								
114	Đàn ocs gan GV	Trường MN Thanh Trường	2	20.083		20.083								
115	Camera 8 mắt 2_2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	22.000		22.000	14.438							
116	Camera 8 mắt 1_2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	22.000		22.000	14.438							
117	Bơm Diesel 2022	Trường MN Thanh Trường	1	121.900		121.900	91.425							
118	Bơm điện 2022	Trường MN Thanh Trường	1	65.190		65.190	48.893							
119	Bàn chia cơm, thức ăn	Trường MN Thanh Trường	1	15.895		15.895								
120	Bàn họp 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	21.500		21.500	16.125							
121	Bàn làm việc Đài loan	Trường MN Thanh Trường	1	12.000		12.000								
122	Bể chơi với cát và nước	Trường MN Thanh Trường	1	5.998		5.998								
123	Bể chứa nước sạch điểm trường phố 4	Điểm trường phố 4	1	45.731	45.731		27.439		x					
124	Bể nước + Nhà máy bơm điểm trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	150.432	150.432		105.302		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Đúng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
125	Bếp ga công nghiệp 3 họng + Bình ga 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.800		11.800	8.850							
126	Bộ bàn ghế sofa	Trường MN Thanh Trường	1	9.500		9.500								
127	Bộ đèn tín hiệu giao thông	Trường MN Thanh Trường	1	14.227		14.227								
128	Đàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.350		14.350	11.480		x					
129	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	13.500		13.500	8.100							
130	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	13.500		13.500	8.100							
131	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	13.500		13.500	8.100							
132	Bộ máy tính học sinh và giáo viên	Trường MN Thanh Trường	1	16.945		16.945								
133	Bộ máy tính học sinh và giáo viên	Trường MN Thanh Trường	1	16.945		16.945								
134	Bộ máy tính học sinh và giáo viên	Trường MN Thanh Trường	1	16.945		16.945								
135	Bộ Mic đa hướng tích hợp loa 2022	Điểm trường trung tâm	1	54.900	54.900		32.940		x					
136	Bộ Mic điện tử không dây Trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	13.250		13.250	7.950							x
137	Bộ thẻ chất đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	29.201		29.201								
138	Bộ vận động đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	94.500		94.500								
139	Bộ máy tính để bàn 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	13.500		13.500	8.100							
140	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
141	Đàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.350		14.350	11.480		x					
142	Đàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.350		14.350	11.480		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
143	Khu liên hoàn cầu trượt 3 khối	Trường MN Thanh Trường	1	14.149		14.149								
144	Loa hội trường phổ 3	Điểm trường phổ 3	1	24.000		24.000	14.400		x					
145	Loa hội trường trung tâm	Điểm trường trung tâm	1	31.500		31.500	18.900		x					
146	Loa sân khấu ngoài trời Trung tâm	Điểm trường trung tâm	2	24.640		24.640	14.784		x					
147	Mâm quay 4 con giống nhựa 2022	Trường MN Thanh Trường	1	13.800		13.800	10.350							
148	Màn chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	5.545		5.545								
149	Màn hình theo dõi camera 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	6.780							
150	Màn hình theo dõi camera 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	6.780							
151	Màn hình trực tuyến 55inch_2022	Điểm trường trung tâm	1	15.300	15.300		9.180		x					
152	Máy chiếu 2022	Trường MN Thanh Trường	1	19.800		19.800	7.920							
153	Máy Chiếu 23	Điểm trường phổ 4	1	38.200		38.200	30.560							x
154	Máy Chiếu 23.2	Điểm trường phổ 6	1	38.200		38.200	30.560							x
155	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	51.420		51.420								
156	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
157	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
158	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
159	Máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	5	43.435		43.435								
160	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
161	máy chiếu đa năng	Trường MN Thanh Trường	1	42.413		42.413								
162	Khu liên hoàn 2 khối	Trường MN Thanh Trường	1	7.106		7.106								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
163	Hệ thống kết nối VNPT MegaV	Điểm trường trung tâm	1	25.000	25.000		15.000		x					
164	Hệ thống giàn ga	Trường MN Thanh Trường	1	15.220		15.220								
165	Hệ thống cây xanh, cảnh quan và tưới nước cây xanh phố 4	Điểm trường phố 4	1	1.166.012	1.166.012		699.607		x					
166	Đàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.350		14.350	11.480		x					
167	Đàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.350		14.350	11.480		x					
168	Đàn Organ Yamaha 2024	Điểm trường phố 4	1	14.650	14.650		11.720		x					
169	Đầu ghi hình 16 kênh Dahua	Trường MN Thanh Trường	1	16.500		16.500								
170	Dù che	Trường MN Thanh Trường	1	41.587		41.587								
171	Đu quay mâm không day	Trường MN Thanh Trường	1	39.693		39.693								
172	Đu quay mâm không day	Trường MN Thanh Trường	1	39.693		39.693								
173	Đu quay mâm không day	Trường MN Thanh Trường	1	39.693		39.693								
174	Gara xe đạp, xe máy điểm tái định cư số 1	Điểm trường trung tâm	1	113.970	113.970		79.779		x					
175	Đàn Organ 2023	Trường mầm non Thanh Trường	1	14.350		14.350	11.480		x					
176	Gara xe đạp, xe máy điểm trường phố 3	Điểm trường phố 3	1	36.997	36.997		25.898		x					
177	Ghế da lãnh đạo	Trường MN Thanh Trường	1	5.500		5.500								
178	Giá đa năng bằng inox 4 tầng 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	8.475							
179	Giá đa năng bằng inox 4 tầng 2022 (TT1)	Trường MN Thanh Trường	1	11.300		11.300	8.475							
180	Giường y tế	Trường MN Thanh Trường	1	5.221		5.221								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	dùng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
181	Góc thiện nhiên mái nầm	Trường MN Thanh Trường	5	11.976		11.976								
182	Góc thiện nhiên mái nầm	Trường MN Thanh Trường	5	11.976		11.976								
183	Góc thiện nhiên mái nầm	Trường MN Thanh Trường	5	11.976		11.976								
184	Hạng mục phụ trợ (Cổng, hàng rào, sân đường, bồn hoa) _Điểm tái định cư số 1	Điểm trường trung tâm	1	1.125.900	1.125.900		788.130		x					
185	Hạng mục phụ trợ điểm trường phổ 3 (Cổng, hàng rào, sân bê tông, bồn hoa)	Điểm trường phổ 3	1	1.592.460	1.592.460		1.114.722		x					
186	Gara xe đạp, xe máy điểm trường phổ 4	Điểm trường phổ 4	1	51.864	51.864		31.118		x					
187	Xích đu treo	Trường MN Thanh Trường	1	26.727		26.727								

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Văn Anh

Ngày 31 tháng 12 năm ...2022...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Kiều Thanh Huyền

Bộ, tỉnh: Tỉnh Điện Biên

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Thanh Trường

Mã đơn vị: 1029787

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác		547.323	28.710												
1	Bể chơi với cát và nước		5.998							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bộ bàn ghế sofa		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bộ đèn tín hiệu giao thông		14.227				x				Bán					
4	Bộ máy tính học sinh và giáo viên		16.945				x				Bán					
5	Bộ máy tính học sinh và giáo viên		16.945				x				Bán					
6	Bộ máy tính học sinh và giáo viên		16.945				x				Bán					
7	Con rối bằng vải nhung		35.316					x			Hủy đốt, hủy chôn					
8	Con rối bằng vải nhung02		56.505					x			Hủy đốt, hủy chôn					
9	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

QLTS.VI

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)					
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ	Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Đàn óc gan học sinh		8.710							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
19	Đàn óc gan GV		20.083				x				Bán					
20	Ghế da lãnh đạo		5.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Giường y tế		5.221							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
22	Khu liên hoàn 2 khối		7.106							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Màn chiếu đa năng		5.545							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Máy in		8.457							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Máy tính để bàn GV		16.501				x				Bán					
26	Micro điện tử không dây		14.083	2.817			x				Bán					
27	Nồi cơm điện		7.673	1.343						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Ôn áp		18.370				x				Bán					
29	Phần mềm Mi sa Tài sản		8.900	3.560						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Phần mềm phổ cập		4.900	1.960						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
31	Ti vi LG 43 in		25.190				x				Bán					
32	Ti vi Sharp		12.158				x				Bán					
33	Ti vi Sharp		12.158				x				Bán					
34	Ti vi Sharp		12.158				x				Bán					
35	Ti vi Sharp		12.158				x				Bán					
36	Tivi Smart 55 inh, kết nối Wifi, có ổ cắm USB 2022.6		20.900	12.540			x				Bán					
37	Tủ đựng chăn 2 cánh		9.027	2.257						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
38	Tủ đựng chân 2 cánh		9.027	2.257						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Tủ đựng chân chiếu		5.691					x			Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệ...					
40	Tủ đựng đồ dùng học sinh		27.150					x			Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệ...					
41	Tủ lạnh		9.886	1.977						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
42	Tủ Mạg		5.000				x				Bán					
43	Tủ thuốc inox		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Ngày 21 tháng 12 năm 2024.

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Văn Anh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Kiều Thanh Huyền